

Số: 34 /2011/QĐ-UBND

Bến Tre, ngày 12 tháng 12 năm 2011

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BẾN TRE	
ĐẾN	Số:.....3.5.....
	Ngày: 14/12.....
Chuyển:.....	

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế công tác thi đua, khen thưởng
trên địa bàn tỉnh Bến Tre**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng Nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 02/2011/TT-BNV ngày 24 tháng 01 năm 2011 của Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 554/TTr-SNV ngày 11 tháng 10 năm 2011,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Hội đồng Thi đua - Khen thưởng; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể

tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Ban TĐKT TW (HN, TP HCM);
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Website Chính phủ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Bến Tre;
- Sở Tư pháp;
- Thành viên HĐTĐKT tỉnh;
- Chánh và các PCVPNC;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Ban Thi đua - Khen thưởng (Sở Nội vụ);
- UBND các huyện, thành phố;
- Doanh nghiệp NN; Công ty Cổ phần
- Đài PTTH; Báo Đồng khởi;
- Trung tâm Công báo (02);
- Phòng Tiếp dân (để niêm yết);
- Phòng NC: VHXX, TH;
- Lưu: VT.



Nguyễn Văn Hiếu

QUY CHẾ

Về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Bến Tre
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 34 / 2011/QĐ -UBND
ngày 12 tháng 12 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre)

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về việc tổ chức thực hiện công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh, bao gồm: Đối tượng thi đua, khen thưởng; trách nhiệm và thẩm quyền quyết định khen thưởng của Ủy ban nhân dân tỉnh, thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; xã, phường, thị trấn, các đơn vị thuộc các thành phần kinh tế. Nội dung thi đua, tổ chức phong trào thi đua; các danh hiệu thi đua, các hình thức khen thưởng; quy định thủ tục hồ sơ khen thưởng; quyền lợi và nghĩa vụ của các tập thể, cá nhân tham gia các phong trào thi đua và được khen thưởng; quỹ thi đua, khen thưởng; việc xử lý các trường hợp vi phạm về công tác thi đua, khen thưởng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Tập thể, cá nhân trong các cơ quan Nhà nước, các tổ chức chính trị; tổ chức chính trị - xã hội; tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp; tổ chức xã hội, nghề nghiệp; lực lượng vũ trang nhân dân; các đơn vị sự nghiệp, các tổ chức kinh tế thuộc các thành phần kinh tế; nhân dân trong tỉnh, ngoài tỉnh, người Việt Nam đang sinh sống ở nước ngoài, người nước ngoài và các tổ chức người nước ngoài tham gia phong trào thi đua của tỉnh có thành tích tiêu biểu, xuất sắc đóng góp cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự xã hội của tỉnh được khen thưởng theo Quy chế này.

Điều 3. Nguyên tắc thi đua và căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua

1. Nguyên tắc thi đua

a) Thực hiện trên nguyên tắc tự nguyện, tự giác, công khai, đảm bảo tinh thần đoàn kết, hợp tác và cùng phát triển;

b) Việc xét tặng các danh hiệu thi đua phải căn cứ vào phong trào thi đua. Mọi cá nhân, tập thể tham gia phong trào thi đua đều phải có đăng ký giao ước thi đua; xác định rõ mục tiêu, chỉ tiêu thi đua; không đăng ký thi đua sẽ không được xem xét, công nhận các danh hiệu thi đua;

c) Các danh hiệu thi đua cấp tỉnh phải được đăng ký từ đầu năm và gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Ban Thi đua - Khen thưởng thuộc Sở Nội vụ) **trước ngày 28 tháng 02 hàng năm** (riêng ngành giáo dục gửi **trước ngày 10 tháng 10 hàng năm**).

2. Nguyên tắc khen thưởng và căn cứ xét khen thưởng

Thực hiện khen thưởng phải đảm bảo chính xác, công khai, công bằng và kịp thời trên cơ sở đánh giá đúng hiệu quả công tác của các tập thể và cá nhân, coi trọng chất lượng theo tiêu chuẩn, thành tích đến đâu khen thưởng đến đó; thành tích đạt trong điều kiện khó khăn và có phạm vi ảnh hưởng càng lớn thì được xem xét, đề nghị khen thưởng với mức cao hơn, khen thưởng tập thể nhỏ và cá nhân là chính; khen thưởng đột xuất thì không áp dụng theo trình tự từ mức khen thấp đến mức khen cao, nếu đã được khen thưởng thường xuyên khen toàn diện rồi (tổng kết năm) thì không khen thưởng từng mặt. Mỗi hình thức khen thưởng được tặng thưởng nhiều lần cho một đối tượng nhưng khen thưởng lần sau cùng mức khen trước thì phải có thành tích cao hơn lần trước.

3. Những trường hợp không xét và chưa xét danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng

Thực hiện đúng theo Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và Thông tư 02/2011/TT-BNV ngày 24 tháng 01 năm 2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng.

Chương II

HÌNH THỨC VÀ NỘI DUNG THI ĐUA

Điều 4. Hình thức tổ chức thi đua bao gồm

Thi đua thường xuyên (hàng năm, quý, tháng) và từng đợt thi đua theo chuyên đề. Tổ chức thi đua theo ngành, địa phương và theo Khối, Cụm thi đua.

Điều 5. Nội dung tổ chức phong trào thi đua

1. Xác định mục tiêu, phạm vi, đối tượng thi đua phải trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, năng lực thực tế và yêu cầu phát triển của ngành, địa phương, đơn vị để đảm bảo tính khoa học, tính khả thi và đúng pháp luật qui định.

2. Xác định chỉ tiêu và thời gian thi đua phải trên cơ sở chỉ tiêu nhiệm vụ chính trị được cấp có thẩm quyền giao. Chỉ tiêu phấn đấu phải cao hơn, thời hạn hoàn thành phải sớm hơn.

3. Xác định biện pháp và kế hoạch tổ chức phối hợp giữa các cấp chính quyền, tổ chức Mặt trận, đoàn thể, tổ chức chính trị xã hội, xã hội nghề nghiệp, các cơ quan thông tin đại chúng để tuyên truyền mục đích, ý nghĩa của đợt thi

đua, phát huy tinh thần trách nhiệm, ý thức tự giác của quần chúng, đa dạng hóa các hình thức phát động thi đua thiết thực, hiệu quả; chống biểu hiện phô trương hình thức và bệnh thành tích trong thi đua.

4. Tổ chức phát động và đăng ký giao ước thi đua giữa tập thể với tập thể, giữa cá nhân với cá nhân, gia đình với gia đình trong từng địa phương, đơn vị. Tổ chức chỉ đạo theo dõi phong trào thi đua phải chặt chẽ, nghiêm túc để kịp thời phát hiện điển hình và tổng kết xây dựng điển hình, nhân rộng điển hình tiên tiến

5. Sơ kết (đối với chuyên đề thi đua dài ngày từ 2 năm trở lên), tổng kết thi đua thường xuyên, chuyên đề đánh giá kết quả, đúc kết kinh nghiệm và phổ biến những kinh nghiệm hay, những nhân tố mới, mô hình mới đã xuất hiện trong phong trào thi đua; lựa chọn và công khai biểu dương khen thưởng những cá nhân, tập thể tiêu biểu, xuất sắc.

Điều 6. Trách nhiệm tổ chức phong trào thi đua và công tác khen thưởng

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm phát động phong trào thi đua, tổ chức chỉ đạo phong trào thi đua và công tác khen thưởng trên toàn tỉnh.

Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh là cơ quan tư vấn, giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo và kiểm tra giám sát việc thực hiện công tác thi đua, khen thưởng; Ban Thi đua - Khen thưởng (Sở Nội vụ) là cơ quan thường trực của Hội đồng có nhiệm vụ tham mưu giúp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện tốt công tác thi đua, khen thưởng, đề xuất phương pháp đổi mới công tác thi đua, khen thưởng phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh.

2. Thủ trưởng các ngành, các đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các địa phương chịu trách nhiệm phát động chỉ đạo phong trào thi đua và công tác khen thưởng trong phạm vi ngành, địa phương, đơn vị mình quản lý; chủ trì phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, xã hội nghề nghiệp các cấp để tổ chức vận động phong trào thi đua thực hiện các chỉ tiêu nhiệm vụ chính trị của ngành, địa phương và của tỉnh.

Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của ngành, địa phương, đơn vị có trách nhiệm giúp thủ trưởng các ngành, Ủy ban nhân dân các địa phương tổ chức phát động các phong trào thi đua; theo dõi, phát hiện, lựa chọn các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu để đề nghị các cấp khen thưởng theo quy định, tổ chức tuyên truyền xây dựng điển hình, nhân rộng điển hình tiên tiến; phát huy tác dụng và giữ vững điển hình tiên tiến.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị các cấp trong tỉnh, các tổ chức thành viên Mặt trận, trong phạm vi chức năng, quyền hạn, nhiệm vụ của mình, giám sát việc thực hiện các quy định về thi đua, khen

thường, kiến nghị bổ sung sửa đổi những bất hợp lý liên quan đến công tác thi đua, khen thưởng. Phối hợp với các cơ quan nhà nước vận động thi đua và tuyên truyền vận động các tầng lớp nhân dân tham gia thực hiện tốt nội dung thi đua của tỉnh và của tổ chức mình.

4. Đề nghị các cơ quan thông tin đại chúng của Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh và của tỉnh có trách nhiệm thường xuyên theo dõi, tuyên truyền, cổ động phong trào thi đua; phổ biến những kinh nghiệm và nêu các gương điển hình tiên tiến, gương người tốt việc tốt.

Chương III

DANH HIỆU THI ĐUA VÀ TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 7. Các danh hiệu thi đua

1. Các danh hiệu thi đua đối với cá nhân: “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”; “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh và cấp Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương”; “Chiến sĩ thi đua cơ sở”; “Lao động tiên tiến”; “Chiến sĩ tiên tiến”.

2. Các danh hiệu thi đua đối với tập thể: “Cờ thi đua của Chính phủ”; “Cờ thi đua cấp Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương và tỉnh”; “Tập thể lao động xuất sắc”; “Đơn vị quyết thắng” “Tập thể lao động tiên tiến”; “Đơn vị tiên tiến”; “Áp văn hoá”; “Khu phố văn hoá”.

3. Danh hiệu thi đua đối với hộ gia đình: “Gia đình văn hoá”.

Điều 8. Danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến”

Danh hiệu “Lao động tiên tiến”; “Chiến sĩ tiên tiến” được xét cho cá nhân đạt tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 24 Luật Thi đua, Khen thưởng, Điều 12 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP và điểm a, Khoản 2, Mục I Thông tư số 02/2011/TT-BNV số lượng bình xét không hạn chế.

Điều 9. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”

1. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” xét tặng hằng năm được chọn lựa trong những cá nhân tiêu biểu xuất sắc trong số cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến” đạt tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 23 Luật Thi đua, Khen thưởng, Điều 13 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP và điểm b, Khoản 2, Mục I Thông tư số 02/2011/TT-BNV.

2. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” mỗi năm xét tặng một lần với tỷ lệ 30% trên tổng số biên chế được duyệt của từng đơn vị cơ sở. Đối với các đơn vị sự nghiệp được xét với tỷ lệ 25% trên tổng số viên chức và người lao động của đơn vị.

Điều 10. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”

1. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” được xét tặng cho cá nhân theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP có thành tích vượt trội tiêu

biểu xuất sắc trong số các cá nhân có 3 năm liên tục đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở và có 1 sáng kiến, giải pháp mới có giá trị.

2. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp cơ sở và sở, ngành, huyện, thành phố xét đề nghị với tỷ lệ:

a) Các cơ quan hành chính, đảng, đoàn thể các cấp chọn 30% trong tổng số “Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở” có đủ tiêu chuẩn đề nghị về tỉnh xét công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”;

b) Các loại hình doanh nghiệp, các đơn vị sự nghiệp chọn 20% trong tổng số “Chiến sĩ thi đua cơ sở” có đủ tiêu chuẩn đề nghị về tỉnh xét công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”.

Điều 11. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”

Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” thực hiện theo Điều 15 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP và điểm c, Khoản 2, Mục I Thông tư số 02/2011/TT-BNV danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” mỗi năm xét 1 lần. Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; doanh nghiệp hàng năm chọn 1 cá nhân có đủ tiêu chuẩn theo quy định đề nghị về tỉnh xem xét.

Điều 12. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến”:

1. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến” được xét tặng cho tập thể đạt tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 28 Luật Thi đua, Khen thưởng và điểm đ, Khoản 2, Mục I Thông tư số 02/2011/TT-BNV ngày 24 tháng 01 năm 2011 của Bộ Nội vụ; tỷ lệ bình xét công nhận không hạn chế.

2. Danh hiệu “Đơn vị tiên tiến” được xét tặng hằng năm theo quy định của Bộ Quốc phòng và Bộ Công an.

Điều 13. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, “Đơn vị quyết thắng”

1. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, “Đơn vị quyết thắng” được xét tặng cho tập thể theo quy định tại Điều 27 Luật Thi đua, khen thưởng và điểm đ, Khoản 2, Mục I Thông tư số 02/2011/TT-BNV.

2. Tỷ lệ xét đề nghị công nhận danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”.

a) Đối với sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, doanh nghiệp nhà nước, công ty cổ phần và đơn vị sự nghiệp: Chọn $\frac{1}{2}$ trong tổng số phòng, ban, đơn vị trực thuộc và tương đương có đủ tiêu chuẩn theo quy định;

b) Đối với cấp huyện, thành phố: xét chọn $\frac{1}{2}$ trong tổng số phòng, ban các đơn vị tương đương thuộc huyện, thành phố và $\frac{1}{2}$ Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn có đủ tiêu chuẩn theo quy định;

c) Tập thể thuộc cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh thực hiện xét khen thưởng theo quy định của Bộ, ngành Trung ương;

d) Tập thể thuộc lực lượng vũ trang được xét tặng hằng năm theo quy định của Bộ Quốc phòng và Bộ Công an.

Điều 14. Danh hiệu Gia đình văn hoá, ấp, khu phố văn hoá

Danh hiệu Gia đình văn hoá, ấp, khu phố văn hoá được xét tặng theo quy định tại Điều 29, Điều 30 Luật Thi đua, Khen thưởng và điểm e, Khoản 2, Mục I Thông tư số 02/2011/TT-BNV và Thông tư số 12/2011/TT-BVHTTDL ngày 10 tháng 10 năm 2011 của Bộ Văn hoá thể thao và Du lịch quy định chi tiết tiêu chuẩn, trình tự thủ tục, hồ sơ công nhận danh hiệu “Gia đình văn hoá”, “Thôn văn hoá”, “Làng văn hoá”, “Ấp văn hoá”, “Bản văn hoá”, “Tổ dân phố văn hoá”, và “tương đương”.

Điều 15. Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho các đơn vị, địa phương đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 26 Luật Thi đua, Khen thưởng đã được tổ chức chia cụm, khối ký kết giao ước thi đua theo quy định của cấp có thẩm quyền, bao gồm những tập thể tiêu biểu xuất sắc dẫn đầu trong từng ngành, lĩnh vực được cụm, khối bình chọn suy tôn đề nghị.

2. Căn cứ vào tình hình thực tế các phong trào thi đua yêu nước trong xây dựng phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng của tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh quy định số lượng cờ thi đua của tỉnh cho các cụm, khối thi đua trong toàn tỉnh.

Điều 16. Cờ thi đua của Chính phủ

Cờ thi đua của Chính phủ thực hiện theo quy định tại Điều 25 của Luật Thi đua, Khen thưởng, Điều 16 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP và điểm d, Khoản 2, Mục I Thông tư số 02/2011/TT-BNV, Cờ thi đua của Chính phủ do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh xem xét lựa chọn. Đối tượng là đơn vị thi đua tiêu biểu nhất trong từng khối ngành của tỉnh và khối các địa phương trong tỉnh.

Chương IV

HÌNH THỨC, ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG

Điều 17. Giấy khen

1. Là hình thức khen thưởng đối với cá nhân, tập thể được tiến hành thường xuyên vào dịp tổng kết năm, khen thưởng đột xuất, khen thưởng chuyên đề theo quy định tại Điều 74, 75, 76 Luật Thi đua, khen thưởng và Điều 50 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP:

a) Tặng cho cá nhân đạt 2 lần liên tục danh hiệu Lao động tiên tiến; tặng cho Tập thể đạt 2 lần liên tục danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến, tỷ lệ xem xét tặng Giấy khen do cơ quan, đơn vị tự cân đối theo quỹ khen thưởng của đơn vị;

b) Tặng cho cá nhân, tập thể khi kết thúc một cuộc vận động, hoàn thành công trình hoặc khen thưởng đột xuất, gương người tốt việc tốt có tác dụng nêu

gương phạm vi trong từng đơn vị cơ sở và phòng, ban, đoàn thể huyện, thành phố.

Điều 18. Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh

1. Khen thưởng tổng kết năm: thực hiện theo Điều 72, 73 Luật Thi đua, Khen thưởng và khoản 2, 3 Điều 49 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP.

a) Đối với cá nhân

- Chọn 50% cá nhân tiêu biểu trong số cá nhân đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở liên tục 2 năm của mỗi đơn vị cơ sở;

- Cán bộ không chuyên trách cấp xã, phường, thị trấn, ấp và khu phố: mỗi xã, phường, thị trấn loại 1 tặng 04 Bằng khen cho cá nhân; loại 2 tặng 03 Bằng khen cho cá nhân; loại 3 tặng 02 Bằng khen cho cá nhân;

- Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp là nhân sĩ, trí thức, chức sắc tôn giáo, doanh nhân (không hưởng lương nhà nước) hàng năm mỗi huyện, thành phố xét chọn từ 2 đến 3 cá nhân.

b) Đối với tập thể

- Tặng cho các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, các huyện, thành phố và tương đương đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh giao, tổ chức cơ sở Đảng đạt trong sạch, vững mạnh;

- Tặng cho tập thể tiêu biểu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đạt 2 lần liên tục danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”;

- Đối với Tổ chức chính trị, Tổ chức chính trị - xã hội và Tổ chức - xã hội - nghề nghiệp cấp xã, phường, thị trấn: xét tặng cho 02 tập thể tiêu biểu nhất của mỗi tổ chức trong từng huyện, thành phố;

- Đối với ấp, khu phố: mỗi huyện, thành phố hàng năm chọn 03 đến 05 ấp, khu phố tiêu biểu đề nghị về tỉnh khen thưởng;

- Đối với Công ty, Xí nghiệp, Nhà máy của tư nhân, đầu tư nước ngoài mỗi huyện thành phố hàng năm chọn từ 03 đến 05 đơn vị;

- Đối với lực lượng công an xã, bảo vệ dân phố và phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc thực hiện theo quy định của Bộ Công an.

2. Khen thưởng chuyên đề: Tập thể, cá nhân đạt thành tích tiêu biểu xuất sắc trong việc thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, các Chỉ thị, Nghị quyết, chương trình hành động của Trung ương Đảng, Nhà nước và của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, các đợt thi đua theo chuyên đề, các nhiệm vụ đột xuất của Tỉnh đề ra:

Tổng kết 1 năm: tặng 6 Bằng khen cho 02 tập thể, 04 cá nhân;

Tổng kết 2 năm: tặng 8 Bằng khen cho 03 tập thể, 05 cá nhân;

Tổng kết 3 năm: tặng 10 Bằng khen cho 04 tập thể, 06 cá nhân;

Tổng kết 4 năm: tặng 12 Bằng khen cho 05 tập thể, 07 cá nhân;
Tổng kết 5 năm: tặng 15 Bằng khen cho 06 tập thể, 09 cá nhân.

3. Khen thưởng đột xuất

a) Tặng Bằng khen cho các tập thể, cá nhân có thành tích cứu người, bảo vệ tài sản nhà nước và nhân dân, gương người tốt việc tốt; gương tiêu biểu trong phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội, vi phạm trật tự an toàn xã hội;

b) Tặng Bằng khen cho tập thể, cá nhân đạt các giải cao trong các kỳ thi, hội thi, giải nhất, nhì, ba cấp quốc gia; giải nhất, nhì khu vực; giải nhất cấp tỉnh; giải thưởng do tỉnh tổ chức hoặc chuyên ngành của tỉnh tổ chức. Riêng học sinh giỏi cấp quốc gia: giải nhất, nhì, ba; Cấp khu vực: giải nhất, nhì; Cấp tỉnh: giải nhất (đỗ thủ khoa).

c) Tặng cho tập thể có mức đóng góp từ 200 triệu đồng trở lên; cá nhân có mức đóng góp từ 50 triệu đồng trở lên; cá nhân vận động mức đóng góp 500 triệu đồng trở lên cho các chương trình xã hội hóa của tỉnh, huyện, cơ sở và các cuộc vận động của chính quyền, mặt trận, đoàn thể vì mục đích từ thiện, nhân đạo các chương trình xã hội hoá thì nơi tiếp nhận đề nghị về Ủy ban nhân tỉnh tặng Bằng khen;

đ) Tổ chức, cá nhân ngoài tỉnh và nước ngoài có thành tích xuất sắc đóng góp xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh chính trị, trật tự xã hội của tỉnh;

4. Khen chuyên đề, đột xuất: cấp tỉnh khen là chính; khen thưởng cấp nhà nước nếu có chủ trương của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương và các Bộ, ngành Trung ương (bằng văn bản) hoặc tập thể cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc có phạm vi ảnh hưởng khu vực Tây Nam Bộ và toàn quốc mới đề nghị khen thưởng. Trường hợp xét đề nghị tỉnh khen cho cơ quan, đơn vị cấp huyện, thành phố thì xét tối đa không quá 1/3 của mỗi ban ngành thuộc huyện, thành phố.

Điều 19. Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ và khen thưởng cấp Nhà nước

1. Các hình thức và tiêu chuẩn xét đề nghị khen thưởng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ và khen thưởng cấp Nhà nước thực hiện theo quy định của Luật Thi đua, Khen thưởng; Nghị định số 42/2010/NĐ-CP và Thông tư số 02/2011/TT-BNV.

2. Số lượng các tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ và khen thưởng cấp nhà nước về thành tích tổng kết năm:

a) Mỗi huyện, thành phố đề nghị không vượt quá 06 tập thể, cá nhân;

b) Đối với cơ quan, đơn vị có từ 200 cá nhân trở lên số đề nghị không vượt quá 05 tập thể, cá nhân;

c) Đối với cơ quan, đơn vị có từ 150 cá nhân trở lên số đề nghị không vượt quá 03 tập thể, cá nhân;

đ) Đối với cơ quan, đơn vị có từ dưới 70 cá nhân trở lên số đề nghị không vượt quá 02 tập thể, cá nhân.

Chương V

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH KHEN THƯỞNG, TRAO THƯỞNG, HỒ SƠ THỦ TỤC, THỜI GIAN XÉT ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG

Điều 20. Thẩm quyền xét duyệt hồ sơ khen thưởng

1. Hồ sơ đề nghị khen thưởng “Huân chương Sao vàng”, “Huân chương Hồ Chí Minh”; danh hiệu vinh dự Nhà nước (Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động); danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ”, “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” hình thức khen thưởng từ Huân chương Lao động hạng ba trở lên, khen thưởng cán bộ thuộc diện Tỉnh ủy quản lý do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh xét duyệt và trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét cho ý kiến trước khi trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Thủ tướng Chính phủ và Chủ tịch nước xét khen thưởng.

2. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các ngành, địa phương chịu trách nhiệm thẩm tra xét duyệt hồ sơ khen thưởng thuộc thẩm quyền của thủ trưởng các ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố quyết định khen thưởng và trình cấp trên khen thưởng. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố cần thống nhất với Ban Thường vụ Huyện ủy, Thành ủy những trường hợp cần phải thông qua Ban Thường vụ Huyện ủy, Thành ủy cho ý kiến trước khi đề nghị về trên.

3. Hồ sơ đề nghị khen thưởng thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định khen thưởng do Ban Thi đua - Khen thưởng thẩm tra, xét duyệt trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định khen thưởng.

Điều 21. Thẩm quyền quyết định khen thưởng và trao tặng

1. Thẩm quyền quyết định khen thưởng và trao tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng thực hiện theo Điều 79, 80, 81, 82 Luật Thi đua, Khen thưởng.

2. Về tổ chức lễ trao tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng:

a) Công bố quyết định khen thưởng, trao quyết định, hiện vật và tiền thưởng cho các tập thể, cá nhân đạt danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng phải được tổ chức trang trọng, nghiêm túc và tiết kiệm, thể hiện đúng ý nghĩa tôn vinh, tuyên dương để mọi người học tập;

b) Về nghi thức Nhà nước trong tổ chức mít tinh, lễ kỷ niệm; trao tặng và đón nhận danh hiệu vinh dự nhà nước, Huân chương, Huy chương, Cờ thi đua của Chính phủ, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ thực hiện theo quy định tại Nghị định 154/2004/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2004 của Chính phủ;

c) Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Giám đốc sở, Thủ trưởng cơ quan, ban ngành, đoàn thể tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Giám đốc doanh nghiệp trao Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc, danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh và Cờ thi đua của tỉnh.

Điều 22. Hồ sơ, thủ tục đề nghị khen thưởng

1. Hồ sơ, thủ tục đề nghị khen thưởng thuộc thẩm quyền quyết định khen thưởng của Thủ tướng Chính phủ, của Chủ tịch nước thực hiện theo Nghị định số 42/2010/NĐ-CP, Thông tư số 02/2011/TT-BNV và các văn bản hướng dẫn của Trung ương.

2. Hồ sơ, thủ tục thuộc thẩm quyền quyết định khen thưởng của Ủy ban nhân dân tỉnh gồm:

- a) Tờ trình của cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc tỉnh;
- b) Biên bản họp Hội đồng Thi đua, Khen thưởng của cơ quan, đơn vị, địa phương (cấp trình khen);
- c) Báo cáo thành tích của đối tượng đề nghị khen thưởng;
- d) Giấy chứng nhận, xác nhận, hiệp y đề nghị khen thưởng có liên quan (trường hợp có yêu cầu).

Điều 23. Quy định về tuyển trình

1. Tuyển trình khen thưởng thực hiện theo quy định tại Điều 53 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP và Khoản 1, Mục III Thông tư số 02/2011/TT-BNV;

2. Doanh nghiệp Nhà nước hoặc doanh nghiệp có vốn Nhà nước chi phối do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập khi đề nghị khen thưởng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng từ cấp tỉnh trở lên, trình trực tiếp Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Ban Thi đua - Khen thưởng thuộc Sở Nội vụ) xét khen thưởng;

3. Các loại hình doanh nghiệp khác ngoài khu công nghiệp do Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quản lý và tổ chức cụm, khối thi đua, khi đề nghị tỉnh và Trung ương khen phải thông qua Ủy ban nhân dân và Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp huyện, thành phố (địa bàn quản lý). Ban Quản lý các Khu công nghiệp có trách nhiệm xem xét đề nghị về tỉnh hoặc Trung ương khen thưởng đối với các doanh nghiệp trong Khu Công nghiệp;

4. Khen thưởng đột xuất đối với tập thể, cá nhân có thành tích trong đấu tranh, phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội, bảo vệ trật tự an toàn xã hội thành tích lập được tại địa phương nào thì địa phương đó có trách nhiệm khen thưởng và đề nghị cấp trên khen thưởng;

5. Khen thưởng cá nhân có thành tích xuất sắc trong tố cáo, phát hiện hành vi tham nhũng, khi đề nghị hình thức khen thưởng từ cấp tỉnh trở lên, đơn

vi, địa phương trình về Văn phòng Ban chỉ đạo tỉnh Bến Tre về phòng, chống tham nhũng để thẩm định và lập tờ trình, trình Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Ban Thi đua - Khen thưởng) xét khen thưởng.

Điều 24. Thời gian trình và xử lý hồ sơ khen thưởng

1. Hồ sơ đề nghị khen thưởng thường xuyên (tổng kết năm) gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Ban Thi đua - Khen thưởng) chậm nhất ngày 30 tháng 01 năm sau; khen thưởng ngành giáo dục, đào tạo trước ngày 05 tháng 8 hàng năm.

2. Hồ sơ khen thưởng cán bộ có quá trình công hiến lâu dài: các ngành, các cấp trình khen thưởng 2 đợt: đợt 1 trước ngày 30 tháng 6 hàng năm, đợt 2 trước ngày 30 tháng 10 hàng năm.

3. Hồ sơ khen thưởng chuyên đề, đợt xuất thời gian xem xét và trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định khen thưởng trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

4. Đối với xử lý vi phạm về khen thưởng, thực hiện theo Điều 96, 97, 98 Luật Thi đua, Khen thưởng.

Chương VI

QUYỀN LỢI CỦA CÁ NHÂN, TẬP THỂ ĐƯỢC KHEN THƯỞNG

Điều 25. Cá nhân, tập thể được công nhận các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng được nhận giấy chứng nhận, khung, bằng, hiện vật, tiền thưởng hoặc vật phẩm lưu niệm kèm theo và được hưởng các quyền lợi khác theo quy định của Nhà nước.

Điều 26. Ban Thi đua - Khen thưởng thuộc Sở Nội vụ có trách nhiệm tiếp nhận Bằng, hiện vật khen thưởng kịp thời trao tặng cho các tập thể, cá nhân được Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng theo quy định.

Chương VII

QUỸ THI ĐUA KHEN THƯỞNG, MỨC THƯỞNG VÀ QUẢN LÝ SỬ DỤNG QUỸ THI ĐUA KHEN THƯỞNG

Điều 27. Lập, sử dụng và quản lý quỹ thi đua, khen thưởng, mức thưởng

1. Lập, sử dụng và quản lý quỹ thi đua, khen thưởng, mức thưởng thực hiện theo Mục 1, 2 Chương V Nghị định 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ; Khoản 3, Mục IV Thông tư 02/2011/TT-BNV ngày 24 tháng 01 năm 2011 của Bộ Nội vụ và Thông tư số 71/2011/TT-BTC ngày 24 tháng 5 năm 2011 của Bộ Tài chính.

2. Cá nhân được tặng Kỷ niệm chương của Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương nếu Bộ, ngành Trung ương không thưởng tiền kèm theo thì đơn vị đề nghị khen thưởng tự cân đối kinh phí của cơ quan thực hiện việc chi thưởng (tính không cấp tiền thưởng thay cho Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương).

3. Các loại hình doanh nghiệp và các đơn vị sự nghiệp (có nguồn thu bảo đảm tự cân đối kinh phí hoạt động 100%) và người đứng đầu doanh nghiệp, đơn vị nếu được xét khen cấp tỉnh trở lên về thành tích tổng kết năm thì có kèm theo tiền thưởng; đối với cá nhân, tập thể nhỏ thuộc doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp thì doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp tự trích quỹ để khen thưởng.

4. Khen thưởng các chương trình mục tiêu được trích từ nguồn kinh phí hoạt động của chương trình.

5. Cá nhân, tập thể đạt giải nhất các cuộc thi cấp tỉnh được Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen kèm theo tiền thưởng (đã có tiền thưởng của giải thưởng do ngân sách tỉnh cấp).

6. Tập thể, cá nhân đạt thành tích đột xuất đặc biệt xuất sắc sẽ được Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét tặng Bằng khen và thưởng tiền kèm theo cao hơn so với mức quy định (nhưng không quá 3 lần mức quy định của Chính phủ ban hành).

Chương VIII

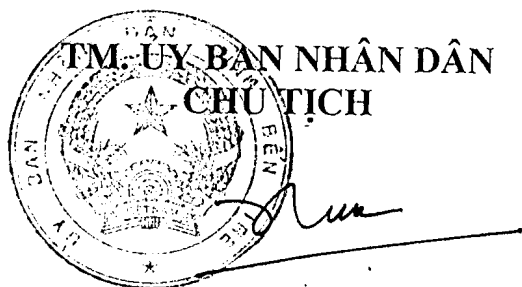
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 28. Hướng dẫn thực hiện Quy chế

Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra các ngành, các cấp thực hiện Quy chế này và theo dõi tổng hợp những vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện để trình Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung.

Điều 29. Tổ chức thực hiện Quy chế

Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, các cơ quan Đảng, Mặt trận, Đoàn thể cấp tỉnh; các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh; các doanh nghiệp; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chịu trách nhiệm chỉ đạo phổ biến, tổ chức thực hiện Quy chế này trong cơ quan, đơn vị, địa phương và các tầng lớp nhân dân trên địa bàn tỉnh Bến Tre./.



Nguyễn Văn Hiếu